

5. Báo Nông nghiệp Việt Nam, Trung tâm thông tin,... tổ chức tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của đợt phát hành trái phiếu này. Động viên và cổ vũ các tập thể, cá nhân tích cực tham gia mua công trái.

Bộ yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, theo chức năng nhiệm vụ của mình cụ thể hóa nội dung chỉ thị này để thực hiện có hiệu quả và thiết thực. Đây cũng là một trong những giải pháp phát huy nội lực đầu tư phát triển kinh tế theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX./.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn

LÊ HUY NGỌ

BỘ TÀI CHÍNH

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Tài chính số 168/2003/QĐ-BTC
ngày 07/10/2003 về việc ban
hành Quy trình thẩm tra quyết
toán vốn đầu tư dự án hoàn
thành.**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP

ngày 01/7/2003 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 12/2000/NĐ-CR ngày 05/5/2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về việc bổ sung, sửa đổi một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Thông tư hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành trong cả nước tổ chức thực hiện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo trình tự, nội dung hướng dẫn của Quy trình này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

NGUYỄN CÔNG NGHIỆP

09639839

QUY TRÌNH Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

*(ban hành kèm theo Quyết định số
168/2003/QĐ-BTC ngày 07/10/2003
của Bộ trưởng Bộ Tài chính).*

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

I. YÊU CẦU THẨM TRA QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH

1. Dự án đầu tư xây dựng cơ bản sau khi hoàn thành, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, chậm nhất là 12 tháng đối với dự án quan trọng quốc gia, 9 tháng đối với dự án nhóm A, 6 tháng đối với dự án nhóm B, C, chủ đầu tư phải hoàn thành báo cáo quyết toán vốn đầu tư, trình người có thẩm quyền phê duyệt; đối với dự án có những hạng mục công trình có thể đưa vào khai thác, sử dụng độc lập, sau khi hoàn thành bàn giao, chậm nhất là 3 tháng chủ đầu tư phải hoàn thành báo cáo quyết toán hạng mục công trình, trình người có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thời gian thực hiện thẩm tra báo cáo quyết toán (tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra nhận đủ hồ sơ hợp lệ) tối đa là 4 tháng đối với dự án quan trọng quốc gia, 3 tháng đối với dự án nhóm A, 4 tháng đối với các dự án còn lại, 2 tháng đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 1 tỷ đồng và hạng mục công trình độc lập.

3. Căn cứ phân cấp, ủy quyền theo

quyết định của người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, cơ quan chuyên môn thuộc cấp phê duyệt tổ chức thẩm tra hoặc thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo quyết toán theo các quy định tại Thông tư hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư của Bộ Tài chính.

4. Công tác thẩm tra quyết toán phải tuân thủ Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, các chế độ hướng dẫn phù hợp với từng thời kỳ thực hiện dự án; áp dụng đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và các quy định của pháp luật. Cơ quan chủ trì thẩm tra trình cấp có thẩm quyền và đề nghị các cơ quan chức năng quản lý chuyên ngành xem xét, giải quyết những kiến nghị, vướng mắc liên quan đến quyết toán vốn đầu tư dự án.

5. Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán phải bảo đảm tính đúng đắn, chính xác, trung thực, khách quan. Tổ chức kiểm toán, cơ quan chuyên môn thực hiện thẩm tra báo cáo quyết toán, cán bộ trực tiếp thẩm tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, kết quả đã thực hiện.

II. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành hướng dẫn chi tiết trình tự, nội dung các bước thẩm tra báo cáo quyết toán theo Thông tư hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư của Bộ Tài chính. Quy trình được áp dụng cho các đơn vị thực hiện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quyết định của người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, cụ thể như sau:

1. Đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Vụ Đầu tư (Bộ Tài chính) chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán; trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

2. Đối với các dự án còn lại: người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư đồng thời là người phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án; cơ quan chuyên môn thực hiện thẩm tra báo cáo quyết toán, trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư theo quy định sau:

- Dự án trung ương quản lý: người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án quyết định đơn vị chức năng trực thuộc chủ trì tổ chức thẩm tra;

- Dự án địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) quản lý: Sở Tài chính - Vật giá chủ trì tổ chức thẩm tra;

- Dự án cấp quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh quản lý: Phòng Tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra.

Riêng đối với các dự án thuộc điểm 1 nêu trên, các Bộ, ngành, địa phương quản lý dự án tổ chức kiểm tra, xác định số liệu đề nghị quyết toán trước khi gửi trình Bộ Tài chính thẩm tra và phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư.

III. LẬP KẾ HOẠCH THẨM TRA

1. Hàng năm, căn cứ danh mục dự án hoàn thành trong năm kế hoạch, danh mục hồ sơ dự án trình duyệt quyết toán

của các chủ đầu tư và biên chế cán bộ của đơn vị; cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập kế hoạch thẩm tra quyết toán dự án theo các hình thức:

- Dự án do cơ quan chuyên môn trực tiếp thẩm tra báo cáo quyết toán,

- Dự án thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo quyết toán; sau đó cơ quan chuyên môn thực hiện kiểm tra lại.

2. Căn cứ kế hoạch thẩm tra hàng năm, thời gian thực hiện thẩm tra quyết toán quy định, cơ quan thẩm tra triển khai thẩm tra quyết toán đối với từng dự án cụ thể.

IV. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN THẨM TRA QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Trình tự thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo 4 bước như sau:

Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ báo cáo quyết toán:

Khi nhận được Tờ trình đề nghị thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án (hạng mục công trình) hoàn thành của chủ đầu tư gửi đến, cơ quan chuyên môn thuộc cấp phê duyệt quyết toán bố trí lịch làm việc với Chủ đầu tư để tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định.

- Trong thời gian không quá 2 ngày làm việc, phải kiểm tra xong hồ sơ báo cáo quyết toán, lập phiếu giao nhận và có ý kiến bằng văn bản đề nghị hoàn chỉnh báo cáo, bổ sung các tài liệu còn thiếu.

Bước 2: Xác định hình thức tổ chức thẩm tra quyết toán:

Cơ quan chuyên môn nghiên cứu, xem xét hồ sơ báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án, xác định hình thức thẩm tra quyết toán phù hợp đối với từng dự án; báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn một trong hai hình thức sau:

1. Cơ quan chuyên môn trực tiếp tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán,

2. Thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo quyết toán, sau đó cơ quan chuyên môn thực hiện kiểm tra lại.

Thời gian cơ quan chuyên môn xác định và trình cấp phê duyệt quyết toán quyết định hình thức thẩm tra báo cáo quyết toán của dự án không quá 5 ngày làm việc.

Trường hợp trong quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư có văn bản đề nghị được thuê kiểm toán báo cáo quyết toán hạng mục công trình hoàn thành; căn cứ hồ sơ pháp lý và điều kiện cụ thể của dự án, cơ quan chuyên môn trình người có thẩm quyền cho phép kiểm toán báo cáo quyết toán hạng mục công trình và toàn bộ dự án.

Bước 3: Tổ chức thẩm tra quyết toán:

Đối với dự án được phép thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo quyết toán, chủ đầu tư (Ban quản lý dự án) phải tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện kiểm toán theo quy định của Quy chế đấu thầu.

Căn cứ kế hoạch được duyệt, quỹ thời gian thẩm tra quyết toán theo quy định và đặc điểm, tình hình cụ thể của dự án; cơ

quan chủ trì thẩm tra quyết toán tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án;

Trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì tổ chức thẩm tra trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập Tổ tư vấn để thẩm tra quyết toán.

Thời gian, nội dung thẩm tra thực hiện theo quy định của Thông tư hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư và quy định cụ thể tại Phần II của Quy trình này.

Bước 4: Tổng hợp báo cáo thẩm tra và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án:

Căn cứ kết quả thẩm tra của cán bộ chuyên môn và báo cáo kiểm toán (nếu có), cơ quan chủ trì thẩm tra tổng hợp báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án, lập hồ sơ trình người có thẩm quyền phê duyệt.

Thời gian tổng hợp báo cáo để trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án không quá 1 tháng.

Phần II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. TIẾP NHẬN, KIỂM TRA HỒ SƠ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Khi nhận được hồ sơ báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án, (hạng mục công trình) hoàn thành của Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án) trình duyệt, theo phân cấp và nhiệm vụ được giao, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ báo cáo quyết toán theo các nội dung sau:

1. Kiểm tra tính pháp lý về thủ tục hành chính, nội dung hồ sơ báo cáo quyết toán và văn bản trình duyệt quyết toán của chủ đầu tư. Xem xét việc chấp hành của chủ đầu tư về thời gian hoàn thành báo cáo, trình cơ quan thẩm tra và phê duyệt quyết toán theo đúng phân cấp và thẩm quyền.

2. Kiểm tra nội dung báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án do chủ đầu tư lập, đối chiếu với biểu mẫu quy định; các hồ sơ, tài liệu liên quan để thẩm tra báo cáo quyết toán theo quy định.

3. Lập phiếu giao nhận hồ sơ; hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện, bổ sung nội dung báo cáo và hồ sơ, tài liệu còn thiếu.

II. XÁC ĐỊNH HÌNH THỨC TỔ CHỨC THẨM TRA QUYẾT TOÁN

Để xác định hình thức thẩm tra quyết toán thích hợp cần nghiên cứu cụ thể hồ sơ báo cáo quyết toán vốn đầu tư, quá trình thực hiện đầu tư, mức độ phức tạp của dự án; đặc điểm bộ máy quản lý của chủ đầu tư và lực lượng cán bộ của cơ quan chuyên môn thực hiện thẩm tra quyết toán. Việc xác định hình thức thẩm tra có thể được thực hiện ngay trong giai đoạn thực hiện dự án hoặc sau khi kết thúc dự án, chủ đầu tư đã lập xong báo cáo quyết toán toàn bộ dự án gửi cơ quan thẩm tra, phê duyệt.

Căn cứ điều kiện cụ thể và đặc điểm tổ chức quản lý thực hiện dự án, đồng thời xem xét đề nghị của chủ đầu tư, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán đề xuất phương án thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định

hình thức thẩm tra theo một trong hai hình thức sau:

1. Hình thức thứ nhất: Cơ quan chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán trực tiếp thẩm tra báo cáo quyết toán.

Căn cứ kế hoạch thẩm tra được phê duyệt, hồ sơ báo cáo quyết toán và điều kiện cụ thể của dự án, cơ quan chuyên môn thuộc cấp phê duyệt quyết toán tổ chức bộ máy có nghiệp vụ chuyên môn phù hợp thực hiện thẩm tra báo cáo quyết toán.

Trường hợp đối với các dự án phức tạp, xét thấy cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán thành lập Tổ tư vấn thực hiện thẩm tra báo cáo quyết toán.

Thành viên tham gia Tổ tư vấn thẩm tra quyết toán gồm có:

- + Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán,
- + Cơ quan thanh toán hoặc cho vay vốn,
- + Các cơ quan quản lý đầu tư và xây dựng,
- + Cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan,
- + Đại diện chủ đầu tư.

2. Hình thức thứ hai: Thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo quyết toán; sau đó, cơ quan chuyên môn thực hiện kiểm tra lại.

2.1. Hình thức thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo quyết toán, có thể được xác định trong giai đoạn thực hiện dự án: Đối với những dự án lớn, có nhiều hạng mục công trình, cơ quan

chuyên môn xem xét đề nghị của chủ đầu tư, trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cho phép kiểm toán ngay khi các hạng mục công trình hoàn thành và kiểm toán toàn bộ dự án.

2.2. Căn cứ văn bản cho phép kiểm toán báo cáo quyết toán của cấp có thẩm quyền, mức chi phí kiểm toán xác định theo Thông tư hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư của Bộ Tài chính, chủ đầu tư (Ban quản lý dự án) tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập có đủ năng lực và tư cách pháp nhân theo quy định của Quy chế đấu thầu.

Tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án theo hợp đồng kiểm toán ký với chủ đầu tư, thực hiện đầy đủ các nội dung thẩm tra báo cáo quyết toán theo yêu cầu và phát hành báo cáo kiểm toán đúng thời gian quy định.

2.3. Cơ quan chức năng thực hiện kiểm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư đã được kiểm toán: cơ quan chuyên môn thực hiện kiểm tra theo các nội dung quy định tại điểm 9 Mục III.

III. NỘI DUNG THẨM TRA BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán và kế hoạch thẩm tra được duyệt, cơ quan chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán (hoặc Tổ tư vấn thẩm tra quyết toán) trực tiếp thẩm tra báo cáo quyết toán dự án, hạng mục công trình hoàn thành. Các nội dung thẩm tra bao gồm:

1. Thẩm tra hồ sơ pháp lý của dự án:

1.1. Kiểm tra, đối chiếu danh mục, trình tự thực hiện các văn bản pháp lý liên quan đến quá trình đầu tư xây dựng dự án so với các quy định của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, Quy chế đấu thầu.

1.2. Thẩm tra tính pháp lý của các văn bản, hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ kinh tế liên quan đến dự án. Xem xét việc chấp hành các nguyên tắc, nội dung quy định của các loại văn bản: Trình tự lập và duyệt văn bản; nội dung của văn bản, thẩm quyền phê duyệt văn bản.

1.3. Kiểm tra tính pháp lý và việc thực hiện Quy chế đấu thầu, hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư ký với các bên nhận thầu tư vấn, xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị theo các điều kiện của gói thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế.

1.4. Kiểm tra đối chiếu về quy mô, công suất... của dự án sau khi xây dựng hoàn thành đề nghị quyết toán so với các nội dung của quyết định đầu tư.

1.5. Nhận xét, đánh giá:

- Việc chấp hành các quy định của Nhà nước trong quá trình đầu tư xây dựng dự án, như: Quyết định đầu tư, các thủ tục thực hiện dự án, hình thức quản lý dự án, phương thức xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị, nghiệm thu bàn giao cho đơn vị sử dụng và quyết toán vốn đầu tư dự án.

- Việc chấp hành các quy định và thực hiện chức năng của các cơ quan liên

quan trọng quá trình quản lý đầu tư xây dựng (chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, đơn vị tư vấn, nhà thầu, cơ quan thanh toán, cho vay vốn) theo cơ chế quản lý đầu tư, xây dựng và quy định của pháp luật.

2. Thẩm tra nguồn vốn đầu tư của dự án:

2.1. Thẩm tra nguồn vốn đầu tư:

- Đối chiếu nguồn vốn đầu tư và tiến độ đã thực hiện theo quyết định đầu tư so với kế hoạch đầu tư thực hiện hàng năm; kiểm tra cơ cấu vốn và số vốn đầu tư thực hiện, thanh toán của từng loại nguồn vốn qua các năm.

- Kiểm tra việc quản lý và sử dụng ngoại tệ, xác định thời điểm tính quy đổi tỷ giá ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo chế độ quy định, đối với các dự án có vốn nước ngoài (vốn vay, viện trợ...) hoặc dự án sử dụng vốn trong nước để mua máy móc, thiết bị, vật tư của nước ngoài.

- Phân tích, so sánh cơ cấu vốn đầu tư thực hiện (xây lắp, thiết bị, chi phí khác) với cơ cấu vốn được xác định trong tổng mức vốn đầu tư và tổng dự toán được duyệt.

2.2. Thẩm tra số vốn đầu tư thực hiện hàng năm

- Kiểm tra số liệu báo cáo về hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư hàng năm so với kế hoạch được duyệt;

- Đối chiếu số liệu vốn thanh toán hàng năm của chủ đầu tư và cơ quan thanh toán, cho vay vốn;

- Kiểm tra việc điều chỉnh tăng, giảm vốn đầu tư của dự án đã được cấp có

thẩm quyền cho phép so với chế độ và thẩm quyền quy định.

2.3. Nhận xét, đánh giá:

- Nhận xét việc cấp phát thanh toán, cho vay, tiến độ thi công thực tế với tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; việc quản lý và sử dụng các loại nguồn vốn đầu tư của dự án.

- Đánh giá việc chấp hành các quy định về việc cấp phát, cho vay, việc quy đổi nguồn vốn ngoại tệ ra Đồng Việt Nam (nếu có).

3. Thẩm tra chi phí đầu tư:

3.1. Thẩm tra chi phí xây lắp:

3.1.1. Đối với gói thầu thực hiện theo phương thức chỉ định thầu:

- Thẩm tra thủ tục pháp lý của việc chỉ định thầu, đối tượng được chỉ định thầu, thẩm quyền của cấp quyết định chỉ định thầu theo Quy chế đấu thầu hiện hành.

- Kiểm tra giá trị khối lượng thực hiện đã nghiệm thu đề nghị quyết toán của công trình (hoặc hạng mục công trình) với dự toán được duyệt; xác định giá trị chênh lệch (tăng, giảm) và nguyên nhân dẫn đến thay đổi, bổ sung, phát sinh hoặc do chênh lệch giá).

- Kiểm tra khối lượng phát sinh theo biên bản nghiệm thu phù hợp với bản vẽ hoàn công và quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

- Kiểm tra chủng loại vật liệu đã sử dụng được nghiệm thu đề nghị quyết toán so với thiết kế, dự toán được duyệt.

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước theo các nội dung như:

+ Việc áp dụng định mức, đơn giá xây dựng cơ bản của Nhà nước ban hành trong từng thời kỳ;

+ Thực hiện các quy định về giá vật liệu, nhân công, vận chuyển vật liệu để tính chênh lệch giá;

+ Áp dụng các hệ số về trượt giá, phụ phí... đối với từng loại chi phí: vật liệu, nhân công, máy... để xác định giá trị quyết toán của khối lượng hoàn thành.

- Xác định giá trị quyết toán của khối lượng hoàn thành sau thẩm tra quyết toán, chênh lệch (tăng, giảm) so với đề nghị quyết toán. Yêu cầu lập bảng tính toán chi tiết và thuyết minh rõ lý do các khoản chênh lệch.

3.1.2. Đối với gói thầu thực hiện theo phương thức đấu thầu:

Đối với các hạng mục, khối lượng xây lắp thực hiện theo phương thức đấu thầu. Nội dung thẩm tra theo 2 trường hợp như sau:

3.1.2.1. Trường hợp gói thầu thực hiện theo phương thức đấu thầu, hợp đồng trọn gói, nội dung thẩm tra cụ thể như sau:

- Thẩm tra khối lượng và giá trị xây lắp đề nghị quyết toán so với khối lượng và giá trúng thầu, trên cơ sở nghiệm thu khối lượng phù hợp với hồ sơ trúng thầu.

- Kiểm tra chủng loại vật tư, vật liệu sử dụng được nghiệm thu đề nghị quyết toán so với yêu cầu về loại vật tư, vật liệu có trong hồ sơ mời thầu, dự toán trúng thầu được duyệt.

3.1.2.2. Trường hợp gói thầu thực hiện theo phương thức đấu thầu, hợp đồng có

điều chỉnh giá, nội dung thẩm tra bao gồm:

- Thẩm tra khối lượng và giá trị xây lắp đề nghị quyết toán so với khối lượng và giá trúng thầu, trên cơ sở nghiệm thu khối lượng phù hợp với hồ sơ trúng thầu.

- Kiểm tra chủng loại vật tư, vật liệu sử dụng được nghiệm thu đề nghị quyết toán so với hồ sơ mời thầu, dự toán trúng thầu được duyệt.

- Thẩm tra khối lượng phát sinh được cấp có thẩm quyền duyệt bổ sung do thay đổi thiết kế, thay đổi dự toán do trượt giá vật tư, nhân công và các chế độ của Nhà nước cho phép. Khối lượng phát sinh theo biên bản nghiệm thu phù hợp với bản vẽ hoàn công, theo đơn giá trúng thầu, giá trị gói thầu được cấp có thẩm quyền duyệt điều chỉnh.

3.1.3. Nhận xét, đánh giá sự tuân thủ và tính hợp lý, hợp pháp trong việc áp dụng các định mức, đơn giá, dự toán; đánh giá việc chấp hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, Quy chế đấu thầu của chủ đầu tư, các nhà thầu và của các cơ quan quản lý thực hiện dự án.

3.2. Thẩm tra chi phí thiết bị:

3.2.1. Đối với gói thầu thực hiện theo phương thức chỉ định thầu:

- Thẩm tra thủ tục pháp lý của việc chỉ định thầu, thẩm quyền của cấp quyết định chỉ định thầu theo các quy định của Quy chế đấu thầu.

- Thẩm tra tính hợp lý, phù hợp về danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, giá cả thiết bị được nghiệm thu đề nghị quyết toán so với dự

toán chi phí thiết bị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Kiểm tra việc chấp hành các điều khoản ký kết trong các hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và đơn vị cung ứng thiết bị;

- Thẩm tra giá trị thiết bị theo các nội dung như:

+ Giá gốc thiết bị (nếu là giá trị thiết bị nhập khẩu bằng ngoại tệ phải tính chuyển đổi ra Đồng Việt Nam);

+ Chi phí vận chuyển thiết bị từ nơi mua về đến chân công trình;

+ Chi phí kho bãi, bảo quản, bảo dưỡng thiết bị;

+ Chi phí bảo hiểm thiết bị, phí ngoại thương (nếu có) đối với thiết bị nhập khẩu...

+ Đối với thiết bị cần lắp: Chi phí gia công, lắp đặt thiết bị kiểm tra theo dự toán được duyệt và được nghiệm thu đúng quy định.

- Xác định giá trị thiết bị sau khi thẩm tra quyết toán; báo cáo kết quả thẩm tra phải thuyết minh rõ lý do các khoản tăng, giảm so với giá trị đề nghị quyết toán. Yêu cầu lập bảng tính toán chi tiết và thuyết minh rõ lý do từng khoản chênh lệch.

3.2.2. Đối với gói thầu thực hiện theo phương thức đấu thầu:

- Thẩm tra tính pháp lý việc tổ chức đấu thầu, thực hiện hợp đồng mua sắm thiết bị, thẩm quyền của cấp quyết định trúng thầu theo các quy định của Quy chế đấu thầu.

- Thẩm tra danh mục thiết bị, chủng loại, công suất, chất lượng... nguồn gốc thiết bị được nghiệm thu so với các chỉ tiêu các loại thiết bị theo gói thầu hoặc dự án đã ghi trong hồ sơ mời thầu, quyết định trúng thầu, hợp đồng cung ứng và lắp đặt thiết bị.

3.2.3. Nhận xét, đánh giá: Qua thẩm tra có nhận xét về việc chấp hành các quy định theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, Quy chế đấu thầu của chủ đầu tư, các nhà thầu và các cơ quan quản lý đầu tư và xây dựng trong quá trình cung ứng vật tư, thiết bị.

3.3. Thẩm tra chi phí khác:

3.3.1. Thẩm tra tính pháp lý đối với các khoản chi phí khác:

- Kiểm tra tính pháp lý để thực hiện các khoản mục chi phí khác của dự án về các mặt như: Tính phù hợp của dự toán chi phí với nội dung dự án, thẩm quyền phê duyệt dự toán, đối chiếu, so sánh với quy định của Nhà nước; việc chấp hành các quy định về đấu thầu thực hiện chi phí, hoặc mua sắm theo chế độ quy định của Nhà nước.

- Thẩm tra các khoản chi phí khác của dự án đã thực hiện trong các giai đoạn đầu tư dự án bằng cách so sánh giá trị đề nghị quyết toán của từng loại chi phí so với dự toán được duyệt và chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

- Phân định theo tính chất chi phí để có phương pháp thẩm tra phù hợp:

+ Đối với các chi phí tính theo tỷ lệ %, kiểm tra các điều kiện quy định trong

việc áp dụng các định mức để xác định chi phí của từng loại công việc.

+ Đối với các chi phí tính theo dự toán chi tiết, cần xem xét đối chiếu giá trị thanh toán với dự toán được duyệt, đánh giá mức độ hợp lý của các chi phí.

+ Đối với chi phí quản lý dự án: Căn cứ các quy định của Thông tư hướng dẫn quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để thẩm tra quyết toán.

3.3.2. Nội dung thẩm tra

Chi tiết nội dung các khoản chi phí khác thực hiện theo giai đoạn đầu tư và xây dựng dự án như sau:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

+ Chi phí lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo đầu tư;

+ Chi phí và lệ phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án;

+ Chi phí nghiên cứu khoa học, công nghệ; chi phí tuyên truyền quảng cáo dự án và các chi phí khác.

- Giai đoạn thực hiện dự án:

+ Chi phí khởi công công trình (nếu có);

+ Chi phí đền bù và tổ chức thực hiện đền bù đất đai, hoa màu, di chuyển dân cư và các công trình trên mặt bằng xây dựng; chi phí cho công tác tái định cư và phục hồi (đối với dự án có yêu cầu tái định cư và phục hồi);

+ Tiền thuê đất hoặc tiền chuyển quyền sử dụng đất;

+ Chi phí rà phá bom mìn;

+ Chi phí khảo sát, thiết kế công trình, mô hình thí nghiệm (nếu có);

+ Các chi phí và lệ phí thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật - thi công, tổng dự toán công trình; thẩm định kết quả đấu thầu, lệ phí địa chính, lệ phí xây dựng, chi phí đánh giá, giám sát đầu tư...

+ Chi phí bảo vệ an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng công trình (nếu có);

+ Chi phí bảo hiểm công trình;

+ Các chi phí lập hồ sơ mời thầu, chi phí phân tích đánh giá kết quả đấu thầu xây lắp, mua sắm thiết bị, chi phí giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị.

+ Chi phí Ban quản lý dự án: Thực hiện thẩm tra theo quy định tại Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc lập, quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Giai đoạn kết thúc xây dựng đưa dự án vào sử dụng:

+ Chi phí tháo dỡ công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công, nhà tạm; (chú ý trừ giá trị thu hồi để giảm chi phí);

+ Chi phí thu dọn vệ sinh công trình; tổ chức nghiệm thu, khánh thành và bàn giao công trình;

+ Chi phí đào tạo công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý (nếu có);

+ Chi phí thuê chuyên gia vận hành và sản xuất trong thời gian chạy thử (nếu có);

+ Chi phí nguyên liệu, năng lượng và nhân lực cho quá trình chạy thử không

tải và có tải (chú ý trừ giá trị sản phẩm thu hồi được để giảm chi phí);

+ Chi phí Ban quản lý dự án: thực hiện thẩm tra theo quy định tại Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc lập, quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

+ Chi phí tính quy đổi vốn đầu tư.

+ Chi phí thuê kiểm toán, chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán.

Trường hợp chi phí khác thực hiện đấu thầu: Thẩm tra chi phí thực hiện nghiệm thu đề nghị quyết toán của các khoản mục so với giá trị chi phí theo hồ sơ trúng thầu được duyệt.

Báo cáo kết quả thẩm tra phải thuyết minh rõ lý do từng khoản tăng, giảm và lập bảng tính toán chi tiết kèm theo.

3.3.3. Nhận xét, đánh giá: Qua thẩm tra có nhận xét, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý chi phí theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, Quy chế đấu thầu, các quy định về chế độ quản lý tài chính trong từng thời kỳ của chủ đầu tư, các nhà thầu và các cơ quan có liên quan trong quá trình quản lý thực hiện dự án.

3.4. Trường hợp gói thầu hoặc dự án thực hiện theo Hợp đồng thiết kế - Cung ứng thiết bị vật tư - Xây dựng (Hợp đồng EPC):

Đối với gói thầu hoặc dự án thực hiện theo Hợp đồng EPC, yêu cầu thẩm tra toàn bộ chi phí thực hiện từ khảo sát thiết kế, mua sắm vật tư, thiết bị, xây lắp cho đến khi hoàn thành bàn giao công

trình theo nội dung hợp đồng đã ký kết, phù hợp với các quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán hoặc giá trúng thầu, cùng các điều khoản khác ghi trong hợp đồng.

Thẩm tra giá trị hợp đồng EPC đã được xác định trên cơ sở hồ sơ yêu cầu của Chủ đầu tư (hoặc hồ sơ mời thầu); mức độ đáp ứng yêu cầu của nhà thầu trúng thầu và kết quả thương thảo, đàm phán hợp đồng; cụ thể trong 2 trường hợp như sau:

- Trường hợp đấu thầu để thực hiện dự án, gói thầu: Theo giá trị hợp đồng EPC đã xác định trên cơ sở giá trúng thầu, được người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

- Trường hợp chỉ định thầu để thực hiện dự án, gói thầu: Theo giá trị hợp đồng EPC xác định khi ký hợp đồng, trên cơ sở dự kiến chi phí thực hiện trong hồ sơ yêu cầu của Chủ đầu tư phù hợp với các quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán.

Căn cứ vào hình thức thực hiện, giá trị của hợp đồng EPC và các điều khoản ghi trong hợp đồng; hồ sơ thanh toán và nghiệm thu quyết toán, thẩm tra các chi phí trong các trường hợp trên theo các nội dung nêu ở mục 3.1, 3.2.

3.5. Thẩm tra chi phí đối với hạng mục công trình hoàn thành:

Thẩm tra các chi phí xây dựng hạng mục công trình cũng thực hiện theo hướng dẫn thẩm tra chi phí tại các mục 3.1, 3.2, 3.3 nêu trên về chi phí xây lắp, thiết bị và chi phí khác có liên quan trực tiếp của hạng mục công trình đề nghị

quyết toán; đến khi quyết toán toàn bộ dự án sẽ thẩm tra và phân bổ toàn bộ chi phí khác của dự án cho các hạng mục công trình để xác định giá trị tài sản.

4. Thẩm tra chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Thẩm tra tính pháp lý của các chi phí đầu tư đề nghị không tính vào giá trị tài sản về các mặt: Nội dung chi phí, nguyên nhân và căn cứ đề nghị không tính chi phí vào giá trị tài sản; thẩm quyền của cấp cho phép được quyết toán chi phí đầu tư thực hiện nhưng không tính vào giá trị tài sản.

4.2. Nội dung thẩm tra:

- Thẩm tra các khoản chi phí chủ đầu tư đề nghị không tính vào giá trị tài sản công trình theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

- Thẩm tra các chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng được phép không tính vào giá trị tài sản theo các nội dung như:

+ Xác định đúng theo các nguyên tắc, thủ tục quy định của Nhà nước về chi phí thiệt hại;

+ Giá trị thiệt hại theo Biên bản xác định phải được chủ đầu tư, đơn vị nhận thầu, cơ quan tư vấn giám sát kiểm tra, xác nhận và kiến nghị xử lý.

+ Đối chiếu kiến nghị xử lý thiệt hại của tổ chức Bảo hiểm. Xem xét mức bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có) để giảm chi phí đầu tư.

- Xác định chi phí thiệt hại được cấp có thẩm quyền quyết định hủy bỏ, cho phép không tính vào giá trị tài sản. Cần kiểm

tra đối chiếu giữa biên bản xác định khối lượng hủy bỏ thực tế với quyết định cho phép hủy bỏ của cấp có thẩm quyền.

4.3. Nhận xét, đánh giá việc chấp hành các nguyên tắc, thủ tục quy định của Nhà nước về giải quyết thiệt hại; thẩm quyền của người cho phép hủy bỏ.

5. Thẩm tra xác định giá trị tài sản bàn giao cho đơn vị sử dụng:

5.1. Căn cứ kết quả thẩm tra chi phí đầu tư của dự án, xác định giá trị tài sản công trình hình thành sau đầu tư.

5.2. Tính phân bổ chi phí khác cho các hạng mục công trình:

Phân bổ chi phí khác cho các hạng mục công trình theo nguyên tắc:

+ Loại chi phí khác liên quan trực tiếp đến hạng mục công trình nào thì phân bổ toàn bộ cho hạng mục công trình đó.

+ Loại chi phí khác phân bổ theo tỷ lệ, như: Chi phí chạy thử có tải và không tải sau khi đã trừ các khoản thu được do chạy thử thì phân bổ cho máy móc thiết bị cần lắp theo tỷ lệ vốn lắp đặt, vốn thiết bị cần lắp của từng đối tượng, từng hạng mục trên tổng số vốn lắp đặt, vốn thiết bị cần lắp của các đối tượng, các hạng mục.

+ Loại chi phí khác liên quan đến toàn bộ dự án như chi phí Ban quản lý, nghiệm thu, bảo hiểm... được phân bổ cho tất cả các đối tượng là tài sản cố định theo tỷ lệ phân bổ: Tổng chi phí khác cần phân bổ/Tổng chi phí xây dựng, lắp đặt, thiết bị của dự án, hạng mục công trình.

Đối với dự án đầu tư có thời gian thực hiện trên 36 tháng phải tính quy đổi vốn đầu tư hàng năm về mặt bằng giá tại

thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình cho đơn vị sử dụng. Kiểm tra việc tính quy đổi vốn đầu tư theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

5.3. Xác định chi phí đầu tư hình thành tài sản, bao gồm:

- Chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định,

- Chi phí đầu tư hình thành tài sản lưu động.

Xác định chi phí đầu tư thành tài sản cần phân biệt tài sản cố định vô hình và hữu hình theo các quy định về chuẩn mực tài sản cố định của Bộ Tài chính. Đặc biệt chú ý đến các khoản không tính vào giá trị TSCĐ, thì phải tính vào chi phí quản lý hoặc được coi là khoản chi phí trả trước dài hạn.

5.4. Xác định giá trị, danh mục tài sản bàn giao cho các đối tượng quản lý đơn vị quản lý, sử dụng.

- Xác định toàn bộ tài sản cố định sử dụng của đơn vị Chủ đầu tư và tài sản cố định hình thành qua đầu tư để bàn giao cho đơn vị sử dụng: Căn cứ quy mô, tính chất tài sản hình thành để xác định danh mục tài sản: như vật kiến trúc, dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị.

- Kiểm tra theo từng đối tượng tài sản. Riêng những tài sản phục vụ quản lý của Chủ đầu tư thì phải xác định chính xác nguyên giá, giá trị còn lại; đánh giá và có phương án xử lý thu hồi, giảm chi phí đầu tư công trình.

6. Thẩm tra xác định công nợ, vật tư thiết bị tồn đọng sau khi quyết toán:

6.1. Thẩm tra xác định công nợ:

- Kiểm tra tổng số vốn đã thanh toán cho dự án; xác định số vốn thanh toán các nhà thầu theo các hạng mục, khoản mục chi phí thực hiện đề nghị quyết toán;

Căn cứ số liệu các khoản mục chi phí đã được xác định sau khi thẩm tra quyết toán, số vốn đã thanh toán và tình hình công nợ báo cáo của chủ đầu tư, xác định các khoản nợ phải thu, phải trả giữa chủ đầu tư và các đơn vị, cá nhân có liên quan.

- Xem xét, kiến nghị phương án xử lý đối với các khoản tiền vốn thu được chưa nộp ngân sách, số dư tiền gửi, tiền mặt.

Thẩm tra cần xác định rõ từng khoản nợ phải thu, nợ phải trả theo đúng đối tượng, đúng thực tế và kiến nghị các biện pháp xử lý.

6.2. Kiểm tra, xác định giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng:

- Kiểm tra giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng theo sổ kế toán, đối chiếu với số liệu kiểm kê thực tế;

- Các loại vật tư thiết bị mua sắm phải theo dự toán được duyệt, việc quản lý sử dụng phải theo quy định riêng của từng loại,

- Các loại vật tư thiết bị được tính toán, đánh giá đúng số lượng, đúng giá trị thể hiện trên báo cáo quyết toán.

- Xem xét, kiến nghị phương án xử lý của chủ đầu tư đối với giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng.

6.3. Kiểm tra giá trị tài sản của Ban quản lý dự án:

- Kiểm tra giá trị tài sản của Ban quản lý dự án theo sổ sách kế toán, đối chiếu với số liệu kiểm kê;

- Xác định giá trị còn lại các tài sản của Ban quản lý dự án sau khi đã tính khấu hao theo thời gian sử dụng.

- Xem xét, kiến nghị phương án xử lý đối với giá trị tài sản bàn giao cho đơn vị khác hoặc thanh lý.

- Nhận xét, đánh giá về việc quản lý, bảo quản tài sản của chủ đầu tư, Ban quản lý dự án.

7. Xem xét việc thực hiện kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra:

Đối với dự án đã được các cơ quan thanh tra, kiểm tra của Nhà nước thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và có kết luận; cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán xem xét các nội dung sau:

7.1. Xem xét việc thực hiện các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra;

7.2. Xem xét các kiến nghị của chủ đầu tư, Ban quản lý dự án về các vấn đề được các cơ quan thanh tra, kiểm tra kết luận.

7.3. Kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề tồn tại.

8. Xem xét, trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư:

8.1. Căn cứ vào hồ sơ báo cáo quyết toán và kết quả thẩm tra, xem xét, trình cấp có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị của chủ đầu tư trong việc áp dụng chính sách, chế độ quản lý xây dựng.

8.2. Xem xét, trình cấp có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị của chủ đầu tư

về nguồn vốn đầu tư của dự án, tài sản bàn giao cho các đơn vị quản lý.

Trong quá trình thẩm tra hồ sơ báo cáo quyết toán, xét thấy cần thiết cơ quan thẩm tra có thể tổ chức kiểm tra thực tế tại Ban quản lý dự án và hiện trường xây dựng công trình.

9. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện kiểm tra báo cáo quyết toán đã được kiểm toán:

Trường hợp cấp phê duyệt quyết toán quyết định thuê tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án, (hạng mục công trình):

9.1. Tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán theo trình tự và báo cáo kết quả kiểm toán theo các nội dung trên (từ điểm 1 - điểm 8).

9.2. Cơ quan chuyên môn (hoặc Tổ tư vấn thẩm tra quyết toán) kiểm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án đã được kiểm toán, nội dung kiểm tra như sau:

9.2.1. Kiểm tra việc chấp hành trình tự, nội dung kiểm toán của tổ chức kiểm toán theo quy định.

- Kiểm tra tính pháp lý của hợp đồng kiểm toán, thời gian và thể thức thực hiện kiểm toán và công bố báo cáo kiểm toán dự án.

Căn cứ nội dung hợp đồng đã ký giữa chủ đầu tư và tổ chức kiểm toán, căn cứ báo cáo kết quả kiểm toán, cơ quan chức năng kiểm tra, đánh giá trình tự, nội dung thẩm tra của tổ chức kiểm toán thực hiện về tính đầy đủ và phù hợp theo quy định. Trường hợp đơn vị kiểm toán chưa thực hiện đúng các quy định

về công tác thẩm tra quyết toán, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán để yêu cầu tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán bổ sung.

9.2.2. Kiểm tra những căn cứ pháp lý mà tổ chức kiểm toán sử dụng để kiểm toán so với quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng như:

- Hệ thống cơ chế quản lý, thanh toán vốn đầu tư quy định được áp dụng cho dự án;

- Định mức, đơn giá, các thể độ chính sách có liên quan theo quy định của Nhà nước đã áp dụng cho dự án;

- Việc tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán, các nguyên tắc kiểm toán và các nội dung thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định.

9.2.3. Kiểm tra, xem xét những nội dung còn khác nhau giữa đề nghị quyết toán của chủ đầu tư và báo cáo kiểm toán của tổ chức kiểm toán độc lập.

- Cơ quan chủ trì thẩm tra xem xét những nội dung chưa thống nhất giữa Chủ đầu tư và Tổ chức kiểm toán, các kiến nghị giải quyết của chủ đầu tư.

- Những vướng mắc về cơ chế chính sách, cơ quan chủ trì thẩm tra có văn bản đề nghị các cơ quan chức năng quản lý nhà nước có liên quan có ý kiến cụ thể để giải quyết.

9.2.4. Nhận xét, kiến nghị.

- Nhận xét về kết quả kiểm toán báo cáo quyết toán của tổ chức kiểm toán về nội dung, chất lượng kiểm toán so với yêu

cầu, quy định về thẩm tra báo cáo quyết toán.

- Kiến nghị biện pháp giải quyết các tồn tại của dự án sau khi quyết toán.

- Kiến nghị với các cơ quan liên quan về quá trình quản lý đầu tư, thực hiện dự án; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế quản lý.

IV. TỔNG HỢP BÁO CÁO THẨM TRA, TRÌNH DUYỆT QUYẾT TOÁN

Căn cứ kết quả thẩm tra quyết toán và báo cáo kiểm toán của tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có), cơ quan chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán lập Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, lập Tờ trình và hồ sơ trình người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

1. Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của Thống tư hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư.

Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập báo cáo thẩm tra theo hướng dẫn. Trường hợp Tổ tư vẫn được thành lập để thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư, báo cáo kết quả thẩm tra phải được toàn thể các thành viên Tổ công tác nhất trí ký tên, thông qua báo cáo và chịu trách nhiệm về kết quả do mình thực hiện.

2. Tờ trình kết quả thẩm tra và đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo các nội dung, yêu cầu chủ yếu như sau:

- Khái quát toàn bộ dự án, những vấn đề đã được cấp có thẩm quyền quyết định trong quá trình đầu tư thực hiện dự án;

- Tóm tắt kết quả các nội dung thẩm tra đã thực hiện theo mục III nêu trên;

- Kiến nghị giải quyết các tồn tại về nguồn vốn đầu tư, tài sản và công nợ sau khi quyết toán dự án;

3. Hồ sơ trình duyệt quyết toán bao gồm:

- Tờ trình kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

- Tờ trình xin phê duyệt quyết toán Chủ đầu tư kèm theo Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của Ban quản lý dự án.

- Tập các văn bản pháp lý có liên quan;

- Báo cáo kiểm toán, (nếu có);

- Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán;

- Kết luận của các cơ quan Thanh tra, kiểm tra đối với dự án, (nếu có);

- Văn bản đề nghị giải quyết các kiến nghị và tồn tại của dự án ý kiến xử lý, chỉ đạo của cấp quyết định đầu tư (nếu có), làm cơ sở để người có thẩm quyền xem xét khi phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

- Bản dự thảo Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Nội dung quyết định phê duyệt theo quy định của Thông tư hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

NGUYỄN CÔNG NGHIỆP

THÔNG TƯ số 95/2003/TT-BTC ngày 10/10/2003 hướng dẫn chế độ tài chính đối với Cục Tần số Vô tuyến điện.

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 56/CP ngày 02/10/1996 của Chính phủ về doanh nghiệp hoạt động công ích;

Căn cứ Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 15/01/2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu;

Theo đề nghị của Bộ Bưu chính Viễn thông tại Công văn số 5137/BBCVT-KHTC ngày 04/4/2003 về việc "Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Cục Tần số Vô tuyến điện";

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với Cục Tần số Vô tuyến điện như sau:

A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng: Do đặc thù về tổ chức và hoạt động nên Cục Tần số Vô tuyến điện được áp dụng quy chế quản lý tài chính theo quy định tại Thông tư này.

2. Cục Tần số Vô tuyến điện chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác do Nhà nước giao để thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình.